

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2025.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

2. Ông Danh Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Danh C - sinh ngày 01/01/1984, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Thị Thu B - sinh ngày 01/01/1985, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Danh C như sau:

Vào năm 2011, ông và bà Thị Thu B tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G ngày 10/02/2011.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc hơn 10 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng đi làm ở thành phố và làm riêng công ty, khi dịch covid-19 giãn cách xã hội thì vợ ông ở trong công ty (03 tại chỗ) và có quen với người đàn ông khác, có người làm chung công ty của vợ ông nói cho ông biết, ông nói chuyện với vợ và vợ ông cũng thừa nhận nên vợ chồng ông đã ly thân từ đó cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau và ông không còn tình cảm với bà Thị Thu B nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Thị Thu B.

Thời gian chung sống vợ chồng ông có 03 người con chung tên Danh Hoàng Nhựt M – sinh ngày 12/4/2007 và Danh Hoàng Nhựt C1 – sinh ngày 01/8/2014 hiện nay đang sống cùng ông. Danh Thị Nhựt Thiên K – sinh ngày 19/7/2009 hiện nay đang sống cùng mẹ ở Bình Dương.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Thị Thu B.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung tên Danh Thị Nhựt Thiên K – sinh ngày 19/7/2009 cho bà Thị Thu B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông xin nuôi con chung tên Danh Hoàng Nhựt M – sinh ngày 12/4/2007 và Danh Hoàng Nhựt C1 – sinh ngày 01/8/2014. Ông và bà T Ba không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thị Thu B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Thị Thu B không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà Thị Thu B.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Danh C được ly hôn với bà Thị Thu B. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Danh Thị Nhựt Thiên K – sinh ngày 19/7/2009 cho bà Thị Thu B nuôi dưỡng; Giao cháu Danh Hoàng Nhựt M – sinh ngày 12/4/2007 và Danh Hoàng Nhựt C1 – sinh ngày 01/8/2014 cho ông Danh C nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Danh C và bà Thị Thu B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Thị Thu B là bị đơn trong vụ án, bà Thị Thu B có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay bà Thị Thu B vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Thị Thu B vắng mặt tại phiên tòa 02 lần

không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Thị Thu B.

Ông Danh C có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông Danh C không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Danh C.

[2] Về hôn nhân: Ông Danh C và bà Thị Thu B cưới nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2011, ngày 10/02/2011, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Danh C và bà Thị Thu B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của ông Danh C và bà Thị Thu B là hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc hơn 10 năm và có 03 người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Ông Danh C cho rằng vợ chồng ông bà mâu thuẫn là do bà Thị Thu B quen người đàn ông khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân ông nhiều lần gọi điện cho bà Thị Thu B hỏi thăm nhưng bà Thị Thu B không muốn hàn gắn nên chặn hết số điện thoại của ông. Ngày 27/12/2024 và ngày 17/01/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Thị Thu B vắng mặt và ông Danh C cương quyết ly hôn với bà Thị Thu B. Xét thấy, vợ chồng ông Danh C và bà Thị Thu B đã sống ly thân hơn 03 năm, trong thời gian này, bà Thị Thu B và ông Danh C không tìm được tiếng nói chung và không tự hàn gắn được, khi Tòa án mời bà Thị Thu B đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì bà Thị Thu B không có mặt cho thấy bà không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Ông Danh C cương quyết xin ly hôn với bà Thị Thu B và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương bà Thị Thu B, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Danh C.

[4] Về con chung: Ông Danh C và bà Thị Thu B có 03 người con chung tên Danh Hoàng Nhựt M – sinh ngày 12/4/2007 và Danh Hoàng Nhựt C1 – sinh ngày

01/8/2014 hiện nay đang sống cùng ông. Còn Danh Thị Nhựt Thiên K – sinh ngày 19/7/2009 hiện nay đang sống cùng bà Thị Thu B ở Bình Dương hiện không có mặt tại địa phương nên không ghi nhận được ý kiến của cháu K.

Ông Danh C đồng ý giao cháu Danh Thị Nhựt Thiên K – sinh ngày 19/7/2009 cho bà Thị Thu B tiếp tục nuôi dưỡng; Ông yêu cầu được nuôi cháu Danh Hoàng Nhựt M và Danh Hoàng Nhựt C1, hai cháu Nhựt M và Nhựt C1 cũng có nguyện vọng sống chung với cha nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Danh C.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Danh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Danh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Danh C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006156, ngày 24/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh C.

Về hôn nhân: Xử cho ông D Chen được ly hôn với bà Thị Thu B.

Về con chung: Giao cháu Danh Thị Nhựt Thiên K – sinh ngày 19/7/2009 cho bà Thị Thu B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Danh Hoàng Nhựt M – sinh ngày 12/4/2007 và Danh Hoàng Nhựt C1 – sinh ngày 01/8/2014 cho ông Danh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Ông Danh C và bà Thị Thu B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông bà thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Danh C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006156, ngày 24/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang